TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 10/2019/HS-ST Ngày 25/4/2019	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

***Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Quang Hoàng.
Ông Vũ Kim Quy.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 07/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Vũ Đình T, sinh ngày 29 tháng 01 năm 1992 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn A, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; con ông Vũ Đình Đ và bà Hoàng Thị N. Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: 02 tiền án.

Nhân thân: Ngày 21/10/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ1 xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (tại bản án hình sự phúc thẩm số 332/HSPT). Ngày 21/01/2011 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/HSST). Ngày 19/02/2013 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, thời hạn 18 tháng (tại Quyết định số 245/QĐ-UBND). Ngày 24/7/2015 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (tại bản án hình sự sơ thẩm số 13/HSST), ngày 26/6/2016 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 19/6/2017 bị Tòa án nhân dân Tp. B xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp

tài sản" (tại bản án hình sự sơ thẩm số 111/HSST), ngày 09/6/2018 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2019 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1992 - Có mặt

Trú tại: Xóm 4, thôn A, xã D, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

2. Chị Hòa Thị L, sinh năm 1983 – Vắng mặt không có lý do.

Trú tại: Buôn K1, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1996.
2. Bà Hòa Thị L1, sinh năm 1968.

Cùng trú tại: Thôn A, xã D, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

3. Anh Hồ Tá N1, sinh năm 1992.

Trú tại: Số nhà 329 đường V, phường K2, Tp. B, tỉnh Đăk Lăk

(tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do).

Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị N2, sinh năm 1989 – Vắng mặt không có lý do.

Trú tại Thôn Đ2, xã D, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 19/9/2018, Vũ Đình T từ nhà ở thôn A, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đi bộ theo hướng ra Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, mục đích tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến sân nhà anh Vũ Đình T1, ở thôn A, xã D, huyện K, T thấy cửa hông bên phải nhà anh T1 đang mở, nên T lén lút đi vào trong phòng khách thì thấy có 02 người đang ngủ, bên cạnh có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J7, màu trắng, đang sạc pin. T lấy trộm chiếc điện thoại di động bỏ trong túi quần, đi ra ngoài. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T đi ra ngã ba Đ3, xã D, huyện K đón xe buýt lên thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, T đến tiệm cầm đồ M, ở số 441B đường L2, phường E, thành phố B cầm cố chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J7 cho anh Lê Minh L3 là chủ tiệm, anh L3 không biết chiếc điện thoại do T trộm cắp mà có nên đã cầm cố với giá 1.500.000 đồng, lấy tiền T đã tiêu xài cá nhân hết. Khoảng 2 ngày sau, biết anh Nguyễn Đức C, trú tại thôn A, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk muốn mua điện thoại nên T đã bán chiếc điện thoại này cho anh C với giá 2.000.000 đồng. Anh C sử dụng một thời gian rồi bán lại cho bà Hòa Thị L1, trú tại thôn A, xã D, huyện K, chị L1 không biết chiếc điện thoại do T trộm cắp mà có nên đồng ý mua với giá 2.600.000 đồng.

Quá trình điều tra Vũ Đình T còn khai nhận đã thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện K, cụ thể:

Khoảng 14 giờ ngày 24/12/2018, T đi bộ từ chợ thôn Đ3, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk về hướng Uỷ ban nhân dân xã D để tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp. Khi đi ngang qua nhà chị Hòa Thị L ở Buôn K1, xã D, huyện K thì thấy nhà chị L đóng cửa. T đi bộ ra phía sau nhà rồi trèo qua tường rào vào khuôn viên nhà chị L, do cửa nhà chị L khóa chốt bên trong nên T lấy 01 cây tuýp sắt tròn, 01 cái búa, 01 con dao để ở khu vực chậu hoa của nhà chị L, rồi cạy mở cửa. Sau khi mở được cửa, T đột nhập vào trong nhà lấy trộm 01 máy tính xách tay, dây sạc và máy in hóa đơn. Sau đó, T đi nhờ xe của người đi đường chở ra ngã ba Đ3, xã D rồi bắt xe buýt đi đến ngã ba D1, thành phố B. Tại đây, T đã bán toàn bộ tài sản vừa trộm cắp được của nhà chị L cho tiệm cầm đồ K3, ở số nhà 329 đường V, phường K2, thành phố B do anh Hồ Tá N1 làm chủ. Anh N1 không biết là các tài sản trên do T trộm cắp mà có nên đã mua với giá 2.000.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã thu giữ tang vật, gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J7, màu trắng.
- 01 cây tuýt tròn bằng kim loại, màu trắng sáng, đường kính 3cm, dài 36cm.
- 01 cây búa có cán bằng gỗ, đầu búa bằng kim loại, kích thước (47x10) cm.
- 01 con dao màu sáng trắng bằng kim loại, kích thước (28x5) cm.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 153/KLĐG ngày 15/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Sam Sung J7, màu trắng, số IMIE: 359752074128752102, mua vào năm 2016. Giá trị là 2.694.000 đồng (hai triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KLĐG ngày 24/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện K, kết luận:

- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL 5110 core I3 màu đen, mua vào năm 2015, giá trị là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).
- 01 máy in hóa đơn hiệu Xprinter màu đen, mua vào năm 2015. Giá trị là 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản là 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Do cần tiền tiêu xài, chiều ngày 19/9/2018, bị cáo đã lén lút đột nhập vào nhà anh T1, ở thôn A, xã D, huyện K, lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J7. Ngày 24/12/2018, bị cáo cậy cửa vào nhà chị L, ở Buôn K1, xã D, huyện K lấy trộm 01 máy tính xách tay và 01 máy in. Mục đích trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Cáo trạng số 10/CT-VKS-HS ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Vũ Đình T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, luận tội và tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, tuyên bố bị cáo Vũ Đình T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Vũ Đình T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 14 giờ ngày 19/9/2018 lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, bị cáo đã lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J7 của chị Phạm Thị H trị giá 2.694.000 đồng; Qua đấu tranh của Cơ quan Điều tra bị cáo còn thừa nhận vào khoảng 14 giờ ngày 24/12/2018 bị cáo đã đột nhập vào nhà bà Hòa Thị L trộm cắp 01 máy tính xách tay và 01 máy in hóa đơn trị giá 2.400.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Vũ Đình T phạm tội tội "*Trộm cắp tài sản*". Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

"*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm

……."

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của người khác, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người hoàn toàn bình thường về trí lực, buộc phải biết tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đều bị pháp luật nghiêm trị, nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài

không phải bằng sức lao động của bản thân, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội gây thiệt hại không lớn, tự thú về hành vi trộm cắp tài sản của chị Hòa Thị L ngày 24/12/2018. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 mà bị cáo được hưởng khi lượng hình. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015.

Về nhân thân: Ngày 21/10/2010 bị Tòa án tỉnh Đ1 xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản";

Ngày 21/01/2011 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt của hai bản án buộc Vũ Đình T phải chịu hình phạt chung của hai bản án là 01 năm 09 tháng tù. Ngày 19/01/2012 chấp hành xong hình phạt tù.

Ngày 24/7/2015 bị Tòa án nhân dân K xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 26/6/2016 chấp hành xong hình phạt.

Ngày 03 tháng 3 năm 2017 bị cáo tái phạm, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đăk Lăk xử phạt 01 năm 03 tháng tù tại bản án số 111/2017/HSST ngày 19/6/2017. Ngày 09/6/2018 chấp hành xong hình phạt tù.

Ngày 19/9/2018 chưa được xóa án tích, tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới do cố ý, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 của Bộ luật hình sự 2015, phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015.

Xét bị cáo từ năm 2010 đến năm 2018 liên tiếp thực hiện tội phạm, đã được cải tạo, giáo dục nhưng không có tác dụng. Vì vậy cần cách ly bị cáo để tiếp tục giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng phòng ngừa tội phạm.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Cần buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Hòa Thị L giá trị tài sản trộm cắp không thu hồi được, tổng số tiền là 2.400.000 đồng (gồm 01máy tính xách tay và 01 máy in hóa đơn).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án anh Nguyễn Đức C, bà Hòa Thị L1 không yêu cầu bồi thường lên không đề cập giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Chấp nhận Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện K đã trả lại cho chị Phạm thị H (là vợ của anh Vũ Đình T1) 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J7.

Trả lại cho bà Hòa Thị L: 01 cây tuýp sắt tròn; 01 búa cán gỗ; 01 con dao.

(*vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K với Chi cục thi hành án dân sự huyện K ngày 26/3/2019*).

[5] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Đình T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm h, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Vũ Đình T 03 (*ba)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 05/01/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Vũ Đình T phải bồi thường cho chị Hòa Thị L số tiền 2.400.000 đồng (*hai triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Trả lại cho chị Hòa Thị L 01 cây tuýp sắt tròn, 01 búa cán gỗ, 01 con dao.

(*vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K với Chi cục thi hành án dân sự huyện K ngày 26/3/2019*).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vũ Đình T phải chịu 200.000^{đ} (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000^{đ} (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐăkLăk;
- VKSND huyện;
- CA huyện;
- THAHS; THADS;
- Bị cáo; người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ; Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
PHẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân